

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 169/2018/HS-ST
Ngày: 27-11-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ, Phó Chủ tịch UBND thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Ông Nguyễn Bá Thịnh, Bí thư Đoàn thanh niên phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang M – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 168/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng H; tên gọi khác: H ròm; sinh ngày: 23/12/2000 tại Đắc Nông; Thường trú: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Tạm trú: tổ Y, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Cha: Nguyễn Hoàng M, mẹ: Nguyễn Thị Phương T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 03/9/2018; tạm giam ngày 06/9/2018 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn M; tên gọi khác: S; sinh năm: 1986 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; Thường trú: thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 4/12; Cha: Nguyễn Ngọc T, mẹ: Nguyễn Thị Cẩm N; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984, nghề nghiệp: Nội trợ và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Nhân thân: Ngày 30/9/2003 bị TAND huyện Tân Thành tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Đã xóa án tích).

3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng H: Ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Thị Phương T, là cha mẹ bị cáo. (Ông M vắng mặt, bà T có mặt)

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng H: Bà Hoàng Thị T - Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

5. Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ X, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

6. Người làm chứng: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1983, Địa chỉ: thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/6/2018, Nguyễn Hoàng H đi bộ ngang qua nhà của ông Nguyễn Văn T, tại thôn C, xã T thì phát hiện thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 72L3-7725 đang dựng ngoài sân không có người trong coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. H lén lút đi vào bên trong đất chiếc xe ra ngoài rồi đi tìm nơi tiêu thụ. Khi H đang dắt xe đi đến khu vực nghĩa địa thuộc thôn C, xã T thì bị ông Nguyễn Hoàng L (là con ruột ông T) phát hiện tri hô và cùng với quần chúng nhân dân bắt giữ H cùng tang vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/KL ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc xe mô tô 72L3-7725 mà H chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT công an TX Phú Mỹ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H. Trong thời gian tại ngoại, H bỏ trốn và tiếp tục thực hiện thêm 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/9/2018, H đi đến quán nước của bà Nguyễn Thị Phương T tại chợ T, thị xã P. Trong lúc uống nước H để ý thấy 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, hiệu CAMELIA, BKS 53R7-8737 của bà T có cắm chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. H lén lút đi đến đất chiếc xe nổ máy bỏ đi. Sau khi lấy được xe, H mang xe về phòng trọ của mình gỡ biển số xe cùng với bình xe cất giấu. Đến 13 giờ ngày 02/9/2018, H mang xe đến tiệm sửa xe của Nguyễn Văn M tại xã T và nói cho M biết xe này không có giấy tờ, lấy trộm ở Tp Hồ Chí M muốn bán cho M với giá 1.000.000 đồng. Nguyễn Văn M biết rõ chiếc xe là tài sản do H trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ, M trả giá và đồng ý mua xe với giá 500.000 đồng. Sau khi giao tiền nhận xe, M sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 03/9/2018, H bị bắt theo Quyết định truy nã, qua làm việc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/KL ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản xác định chiếc xe mô tô 53R7-8737 mà H chiếm đoạt có giá trị là 3.395.000đ (Ba triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Về vật chứng vụ án: Ngày 03/9/2018 Nguyễn Văn M tự nguyện giao nộp lại chiếc xe đã mua của H (xe không bình, không BKS). Cơ quan điều tra tiến hành xác M, làm rõ và hiện đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ chờ xử lý.

Đối với xe mô tô 72L3-7725, ngày 04/7/2018, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông T nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bà T có yêu cầu được nhận lại xe đã bị H trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 09/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; Nguyễn Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận công khai, dân chủ thể hiện:

Người bào chữa cho bị cáo H có quan điểm bào chữa: Đồng ý về tội danh, điều luật truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế, bản thân không được gia đình quản lý giám sát; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 06 tháng Cải tạo không giam giữ là phù hợp với hành vi của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo. Đối với quan điểm bào chữa cho bị cáo H thì đề nghị không chấp nhận áp dụng các điểm h, i Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Nguyễn Văn M từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà T 01 xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Bị cáo H đồng ý với quan điểm bào chữa, không bổ sung tranh luận gì thêm. Bị cáo M không có ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề đạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/6/2018 đến ngày 01/9/2018 tại địa bàn xã T và xã T, thị xã P,

Nguyễn Hoàng H đã có hành vi lén lút 02 lần trộm cắp của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Phương T 02 chiếc xe mô tô có tổng giá trị là 7.395.000 đồng. Trong đó lần trộm xe bà Thảo bị cáo đem bán bị cáo M được 500.000 đồng, tiêu xài hết. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội chỉ với mục đích có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng H thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M không hứa hẹn trước nhưng khi được bị cáo H mang xe đến bán, mặt dù biết là tài sản trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi vẫn đồng ý mua để dùng làm phương tiện đi lại; tuy nhiên sau khi bị phát hiện bị cáo tự nguyện giao nộp lại chiếc xe. Hành vi của bị cáo M thực hiện đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng đến quá trình phát hiện xử lý người phạm tội; gây bức xúc, hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, vì vậy áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo M có nhân thân không tốt.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo H và M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong đó bị cáo H là người chưa thành niên phạm tội; bị cáo M là lao động chính trong gia đình, cả hai vợ chồng hiện đang điều trị bệnh, vợ bị cáo bị tai nạn chưa bình phục, hoàn cảnh gia đình hết sức rất khó khăn; giá trị tài sản không lớn, đã nộp lại. Đây là các tình tiết cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M. Bị cáo M có nơi cư trú ổn định nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, giao chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Đã giải quyết xong.

[6] Về xử lý vật chứng: Theo các biên bản thu giữ vật chứng ngày 03/9/2018 và 06/9/2018, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 xe mô tô hiệu Dream và 01 giấy đăng ký mô tô xe máy BKS 53R7-8737. Theo khai nhận của bà Nguyễn Thị Phương T thì vào khoảng tháng 6/2018 bà mua chiếc xe trên (chưa làm thủ tục sang tên theo quy định) và sử dụng đến thời điểm bị mất trộm, không có tranh chấp. Đủ căn cứ xác định chiếc xe là tài sản của bà T, nên giao trả lại.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Văn M phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ nhận được Bản án và Quyết định thi hành án đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

2. Về bồi thường thiệt hại: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương T 01 xe mô tô hiệu Dream và 01 giấy đăng ký mô tô xe máy BKS 53R7-8737.

(Vật chứng nêu trên theo biên giao nhận ngày 13/11/2018)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Hoàng Anh